

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2018

“V/v: Ly hôn và nuôi con
giữa bà H và ông Q”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận và ông Trương Vĩnh Mai.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh– Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 799/2017/HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2018 và Thông báo về việc chuyển lịch phiên tòa xét xử ngày 23/01/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Triệu Thị Minh H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Quận T, Tp. Đà Nẵng, (Có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo nguyên đơn bà H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện không ai bị ép buộc có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 29/10/2014 tại Ủy ban nhân dân X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau nhiều lần. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau, nhiều lần ông Q đã hành hung tôi và đe dọa giết tôi

và gia đình, đòi lại tiền vàng quả cưới có lần tôi phải mời Công an phường X xuống nhà để giải quyết mâu thuẫn. Chúng tôi đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Tôi xin được ly hôn với ông Q.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Thiện N- sinh ngày 19/3/2016. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Nguyên vọng của tôi là trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên vì tôi có thời gian và điều kiện chăm sóc cháu còn ông Q không có điều kiện chăm sóc cháu.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nên Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2].Đối với ông Q: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Quỳnh không nên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Q và yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Q nhưng ông Q không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà N lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Q cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và mẹ ông Q được biết: Ông Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi cưới bà H thì ông Q ra thành phố Đà Nẵng sinh sống, ông Q có mâu thuẫn với bà H nên về nhà tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống một thời gian, sau đó đi làm ăn xa thì thoảng có về nhà thăm gia đình việc mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết. Mẹ ông Q là bà Nguyễn Thị B cho biết: Có biết mâu thuẫn của vợ chồng ông B, bà H nhưng hòa giải không có kết quả nên đề nghị Tòa án xét xử theo quy định(BL số 13).

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo pháp luật vào ngày 29/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bà H và ông Q bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn như xúc phạm, hành hung đánh chửi nhau đòi lại tiền, vàng quà cưới, do vậy ông Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, mâu thuẫn gia đình giữa bà H và ông Q là có thực, ông Q đi làm ăn xa thì thoảng có về thăm gia đình. Như vậy bà H và ông H sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà H và cho bà H được ly hôn với và ông Q.

[3]. Về con chung: Vợ chồng bà H và ông Q có 01 con chung là: cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 19/3/2016. Hiện nay cháu đang ở với bà H. Nguyên vọng của bà H là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên, vì bà H có thời gian và điều kiện chăm sóc cháu còn ông Q không có điều kiện chăm sóc cháu.

Xét nguyện vọng của bà H là chính đáng, phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 19/3/2016 bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Q được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập tới.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí

ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0001070 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Ông Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ bản án này.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND Tp. B;
- CCTHADS Tp. B
- UBND P.X
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đã ký

Phạm Văn Vĩ